

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Xuân Niêm

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn H**; Sinh năm: 1992 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang;**

2. Bị đơn: Chị **Bùi Kim N**; Sinh năm: 2002 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau;**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh **Bùi Văn H** trình bày:

Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn H** và chị **Bùi Kim N** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày

11/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh **H** yêu cầu được ly hôn với chị **N**.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên **Bùi Gia K** – sinh ngày 04/3/2020 và **Bùi Thị Huỳnh A** – sinh ngày 27/8/2021 đang sống chung với anh **H**. Khi ly hôn anh **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **K** và cháu **A**, không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa và chăm sóc con nhỏ nên anh **H** yêu cầu xét xử vắng mặt anh cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho chị **Bùi Kim N** nhưng chị **N** không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh **Bùi Văn H** khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là chị **Bùi Kim N**. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Chị **N** có nơi cư trú tại **ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau**. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh **H** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **H** và chị **N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng anh **H** có đơn xin vắng mặt, chị **N** vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh **H** và chị **N**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh **H** và chị **N** tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 11/3/2020. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến tranh cãi gay gắt, hai bên không còn tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt không hàn gắn được

nữa. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân khoảng 10 tháng nay. Xét thấy, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để anh chị có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị **N** vẫn vắng mặt là không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh **H** được ly hôn với chị **N**.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên **Bùi Gia K** – sinh ngày 04/3/2020 và **Bùi Thị Huỳnh A** – sinh ngày 27/8/2021 đang sống chung với anh **H**. Khi ly hôn anh **H** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **K** và cháu **A**, xét thấy các con chung đang sinh sống ổn định với anh **H** còn chị **N** không có ý kiến về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh **H** nên cần giao cháu **K** và cháu **A** cho anh **H** được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, do anh **H** không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị **N** không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Anh **H** xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh **H** phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh **H** đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đổi trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Bùi Văn H** về việc ly hôn với chị **Bùi Kim N**.

Về hôn nhân: Anh **Bùi Văn H** được ly hôn với chị **Bùi Kim N**.

Về con chung: Giao các cháu **Bùi Gia K** – sinh ngày 04/3/2020 và **Bùi Thị Huỳnh A** – sinh ngày 27/8/2021 cho anh **H** được tiếp tục nuôi dưỡng, chị **N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị **N** không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh **Bùi Văn H** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Ngày 05/3/2024 anh **H** có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phạm Lan Chi

